

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672004 - Auto CAD căn bản

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Thành Ngọc Quang	Jun	3471010159	04/05/1992	8,60	8,00	8,20	
2	Nguyễn Ngọc	Hoà	3671030525	28/01/1992	6,50	5,20	5,60	
3	Nguyễn Tuấn	Kiệt	3671030529	22/09/1994	8,00			
4	Lương Xuân	Dũng	3671030530	03/08/1993	6,00			
5	Nguyễn Hữu	Dụng	3671030533	25/11/1993	7,00			Nợ HP
6	Nguyễn Hoàng	Tân	3671030537	09/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HP-
7	Nguyễn Minh	Thành	3671030538	19/10/1993	8,00			
8	Lê Công	Tài	3671030541	24/11/1993	7,30	2,70	4,10	
9	Lê Nhật	Long	3671030543	18/10/1994	7,50	3,70	4,80	
10	Hồ Văn	Đức	3671030544	05/01/1994	7,00			Nợ HP
11	Nguyễn Thành	Mẫn	3671030546	26/11/1993	7,60			Nợ HP
12	Nguyễn Văn	Tài	3671030551	18/09/1994	8,00	4,30	5,40	
13	Nguyễn Bá	Nhuận	3671030563	23/03/1994	7,30	5,10	5,80	
14	Chu Minh	Đông	3671030569	19/05/1994	8,00			
15	Nguyễn	Lâm	3671030576	02/05/1994	5,10			
16	Phạm Văn	Bình	3671030591	23/02/1994	8,20	5,90	6,60	
17	Huỳnh Thanh	Duy	3671030592	28/11/1993	7,30			
18	Trương Minh	Cường	3671030593	24/01/1993	,00			
19	Nguyễn Thành	Tùng	3671030596	27/11/1994	8,90	7,80	8,10	
20	Lý Văn	Nguyên	3671030600	20/10/1993	7,00	8,00	7,70	
21	Ngô Sỹ	Hà	3671030605	27/12/1994	7,20			
22	Nguyễn Thế	Vũ	3671030607	11/07/1994	,00	,00	,00	CT
23	Nguyễn Đức	Thiện	3671030618	29/01/1994	8,20			
24	Đinh Hữu	Tài	3671030620	29/06/1994	8,00			
25	Trần Huỳnh	Thái	3671030626	25/11/1994	8,50			
26	Dương Ngọc	Thạch	3671030636	14/01/1993	8,00	4,70	5,70	
27	Bạch Như	Khương	3671030640	18/12/1992	,00	,00	,00	Nợ HP-
28	Nguyễn Xuân	Thịnh	3671030648	20/06/1994	8,20	,30	2,70	
29	Hồ Thanh	Duy	3671030654	09/03/1994	7,00	,00	2,10	
30	Võ Văn	Quang	3671030662	01/01/1993	8,00	3,50	4,90	
31	Đoàn Thành	Lợi	3671030664	22/05/1994	8,00			
32	Nguyễn Minh	Dũng	3671030672	20/08/1990	6,10	4,40	4,90	
33	Nguyễn Hữu	Thái	3671030675	28/07/1994	8,00			
34	Nguyễn Văn	Toàn	3671030677	06/02/1994	8,00	5,20	6,00	
35	Dương Thanh	Xuân	3671030678	1979	8,00	3,40	4,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Ngô Văn	Hòa	3671030681	07/02/1994	7,00	9,80	9,00	
37	Nguyễn Hoàng Đình	Kha	3671030685	10/06/1994	6,20			
38	Nguyễn Văn	Quyết	3671030688	03/12/1994	8,20			
39	Nguyễn Ngọc Duy	Tâm	3671030693	28/12/1991	7,00	5,40	5,90	
40	Phan Nhật Đăng	Khoa	3671030700	12/05/1994	8,00			
41	La Thành	Vũ	3671030703	14/04/1994	,00	,00	,00	CT
42	Bùi Lê	Hùng	3671030706	30/03/1994	8,20			
43	Trần Phạm Minh	Pha	3671030713	08/12/1994	8,50			
44	Nguyễn Xuân	Thành	3671030722	03/07/1994	8,50			
45	Nguyễn Minh	Quang	3671030729	23/06/1994	8,00	,50	2,80	
46	Nguyễn Thế	Vĩnh	3671030730	04/03/1994	7,00	4,40	5,20	
47	Đoàn Thanh	Tú	3671030734	16/01/1993	6,30	3,90	4,60	
48	Nguyễn Văn	Phát	3671030735	10/08/1994	6,00	3,30	4,10	
49	Nguyễn Thành	Lộc	3671030739	05/02/1994	8,50			Nợ HP
50	Võ Văn	Mến	3671030756	06/10/1994	9,00	2,70	4,60	
51	Thọ Quang	Rim	3671030758	15/10/1993	6,50	2,50	3,70	
52	Huỳnh Thanh	Chúc	3671030761	10/01/1994	8,00	4,30	5,40	
53	Trần Văn	Hướng	3671030762	11/08/1993	8,00	4,80	5,80	
54	Trần Văn	Thao	3671030772	06/12/1993	7,00	7,30	7,20	
55	Nguyễn Đức	Toàn	3671030774	07/08/1992	,00	,00	,00	CT
56	Nguyễn Văn	Cầu	3671030781	11/06/1994	7,00	4,10	5,00	
57	Lê Bá	Cường	3671030784	01/07/1994	7,20	8,20	7,90	
58	Lê Xuân	Hiếu	3671030786	09/02/1992	5,10			Nợ HP
59	Nguyễn Ngọc	Tài	3671030789	19/07/1994	7,90	3,00	4,50	
60	Trần Thế	Thường	3671030792	19/03/1994	8,10	6,90	7,30	
61	Nguyễn Thái	Hòa	3671030798	17/02/1991	6,00	3,60	4,30	
62	Nguyễn Phạm Minh	Tiến	3671030799	23/04/1994	9,00	4,90	6,10	
63	Nguyễn Văn	Tiên	3671030802	08/05/1993	7,00			Nợ HP
64	Bùi Thanh	Sang	3671030807	14/03/1994	8,00	5,00	5,90	
65	Nguyễn Văn	Anh	3671030818	23/03/1994	7,20	5,60	6,10	
66	Âu Dương	Tuấn	3671030821	12/08/1994	8,00	3,90	5,10	
67	Trần Hoàng Trí	Cường	3671030823	01/12/1994	7,50	5,90	6,40	
68	Đặng Thành	Tân	3671030836	21/01/1994	7,50	5,00	5,80	
69	Lê Trọng	Nhân	3671030840	14/05/1994	7,00	4,90	5,50	
70	Nguyễn Viết	Lực	3671030846	24/09/1994	7,00	5,10	5,70	
71	Hoàng Minh	Đức	3671030847	20/02/1993	8,00	7,90	7,90	
72	Nguyễn Trần	Đại	3671030852	01/11/1993	7,00			Nợ HP
73	Nguyễn Ngọc	Hiếu	3671030861	12/10/1993	7,50	3,10	4,40	
74	Nguyễn Hoàng	Phú	3671030862	29/01/1994	7,20	4,50	5,30	
75	Hồ Đoàn Quốc	Huy	3671030866	26/04/1994	7,20	4,10	5,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Lý Chánh	Tín	3671030868	26/03/1994	7,00	6,90	6,90	
77	Trần Văn	Thịnh	3671030870	25/01/1994	7,00	,00	2,10	
78	Ngô Văn	Trung	3671030873	07/11/1994	8,00	,50	2,80	
79	Lê Hữu	Tâm	3671030875	24/02/1994	8,00	4,20	5,30	
80	Nguyễn Vĩnh	Phương	3671030879	20/01/1993	6,00	3,50	4,30	
81	Phạm Trần Thành	Nam	3671030882	30/09/1994	6,00	4,70	5,10	
82	Nguyễn Văn	Ngoan	3671030887	17/04/1994	,00	,00	,00	CT
83	Ngô Bảo	Toàn	3671030893	28/05/1991	8,00	,00	2,40	
84	Nguyễn Quang Kỳ	Kiệt	3671030895	13/06/1994	8,00	4,50	5,60	
85	Võ Minh	Hoàng	3671030896	02/09/1994	8,00	8,90	8,60	
86	Lê Anh	Dũng	3671030899	09/09/1994	8,90	4,90	6,10	
87	Nguyễn Anh	Đức	3671030902	14/10/1994	8,90	4,90	6,10	
88	Nguyễn Thanh	Phong	3671031870	07/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HP-
89	Huỳnh Văn	Trí	3671031921	20/06/1993	8,00			
90	Đoàn Tất	Mạnh	3671031944	25/12/1993	9,00	8,60	8,70	
91	Lê Duy	Phương	3671031952	12/09/1994	,00	,00	,00	CT
92	Phan Văn	Vũ	3671031993	14/01/1994	7,90	7,30	7,50	
93	Nguyễn Thanh Khải	Hoàng	3671032008	26/02/1994	7,00	6,20	6,40	
94	Lê Văn	Cao	3671032036	04/04/1993	6,50			
95	Nguyễn Văn	Hoàng	3671032049	18/05/1994	7,00			
96	Nguyễn Đức	Tĩnh	3671032050	29/07/1994	8,00	5,30	6,10	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)